TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH
Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30-01-2024
V/v: Ly hôn giữa anh B và chị H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*:** Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Chỉnh;

Ông Nguyễn Thế Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa*:** Bà Ngô Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 158/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2023/QĐST - HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST - HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024, giữa các đ-ương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quang B, sinh năm 1987; địa chỉ: thôn 10, xã N T, huyện N T, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1995; địa chỉ: thôn 10, N T, huyện N T, tỉnh Nam Định.

(anh B xin vắng mặt; chị H vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 26-9-2023 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn anh Nguyễn Quang B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Quang B và chị Vũ Thị H đăng ký kết hôn ngày 25-03-2016 tại Ủy ban nhân dân xã NT, huyện NT, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi đăng ký kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc tại thôn 10, xã NT, huyện NT. Nhưng vài năm trở lại đây vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống khiến tình cảm vợ

chồng ngày lạnh nhạt. Nay anh B nhận thấy tình cảm của anh đối với chị H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị H. Anh B có ý kiến đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

Về con chung: anh B xác nhận vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: anh B xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nghĩa vụ chung về tài sản nên anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06-11-2023, bị đơn chị Vũ Thị H có lời khai thống nhất với lời khai của anh B về quá trình vợ chồng đăng ký kết hôn. Theo chị H, sau khi kết hôn vợ chồng lên Hà Nội thuê nhà làm ăn đến đầu năm 2020 vợ chồng chuyển lên Vĩnh Phúc thuê của hàng để làm ăn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, cũng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhặt hàng ngày. Đến tháng 8/2023 chị phát hiện anh B có tình cảm với người khác chị và hai bên gia đình khuyên bảo và cho anh B cơ hội. Từ khi kết hôn vợ chồng chưa có con chung và đang trong thời gian chữa trị, để không bị ảnh hưởng tâm lý chị đã xin anh B và bố chồng chuyển lên Hà Nội để ở, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh B làm đơn xin ly hôn, chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng được đoàn tụ.

Về con chung: chị H có lời khai thống nhất với anh B vợ chồng chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: chị H đề nghị vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Sau khi nộp bàn tự khai, Toà án nhân dân huyện N T đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho chị H. Chị H đã biết được quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng đến nay chị H vẫn vắng mặt không có lý do. Anh B do công việc không thể sắp xếp để nghỉ được nên anh B đề nghị xin vắng mặt và giữ nguyên ý kiến trình bày.

Qua xác minh tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn của anh Nguyễn Quang B và chị Vũ Thị H tại nơi cư trú: Đại diện Ủy ban nhân dân xã cho biết anh B và chị H đăng ký hộ khẩu thường trí tại thôn 10, xã N T, huyện NT, có đăng ký kết hôn ngày 25-3-2016 tại Uỷ ban nhân dân xã N T, huyện N T. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn như nào địa phương không nắm rõ do anh B chị H không đề nghị hòa giải ở cơ sở. Anh B và chị H không có con chung. Hiện nay chị H đi làm, không có ở nhà, địa phương không nắm được thời gian đi về của chị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N Tr phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương

sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Quang B và chị Vũ Thị H.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: anh B chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: anh Nguyễn Quang B phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, chị Vũ Thị H là bị đơn được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị H vẫn vắng mặt; Nguyên đơn anh Nguyễn Quang B có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H, anh B là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Quang B và chị Vũ Thị H là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Uỷ ban nhân dân xã NT, huyện NT, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 25-3-2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc thời gian đầu khoảng vài năm. Nhưng thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống khiến tình cảm vợ chồng ngày lạnh nhạt. Nay anh B nhận thấy tình cảm của anh đối với chị H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị H. Anh B đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh B đối với chị H, qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh B và chị H xuất phát từ việc hai vợ chồng tính tình không hợp, thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên hay xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2023 đến nay. Theo chị H vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhặt hàng ngày. Thời gian gần đây chị và anh B sống ly thân là do chị đang chữa trị để sinh con. Chị H xác định tình cảm vợ

chồng vẫn còn, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng được đoàn tụ. Sau khi có bản tự khai, các buổi làm việc tiếp theo Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho chị H nhưng chị H vắng mặt không có lý do chứng tỏ bản thân chị H cũng không còn nguyện vọng chung sống với anh B. Trong thời gian sống ly thân, anh B và chị H đều không có biện pháp, hành động thiết thực nhằm hàn gắn tình cảm để vợ chồng đoàn tụ. Mặt khác, qua xác minh nguyên nhân mâu thuẫn của anh B và chị H tại nơi cư trú: Đại diện Ủy ban nhân dân xã cho biết anh Nguyễn Quang B và chị Vũ Thị H có đăng ký kết hôn ngày 25-3-2016 tại Uỷ ban nhân dân xã N T, huyện N T. Anh B và chị H không có con chung. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn như nào địa phương không nắm rõ do anh B chị H không đề nghị hòa giải ở cơ sở, hiện chị H đi làm không có mặt tại địa phương.

Từ những phân tích trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh B, cho anh B được ly hôn chị H là phù hợp quy định khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung:* Anh Nguyễn Quang B và chị Vũ Thị H không có con chung.

[5] *Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung*: Anh Nguyễn Quang B và chị Vũ Thị H không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Anh Nguyễn Quang B phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Quang B và chị Vũ Thị H.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Anh Nguyễn Quang B phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0000616 ngày 18-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N T. Anh B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã N T;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thúy Nga